TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/DS-PT
Ngày**:** 02-04-2024
V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Tùng.**

Các Thẩm phán: Ông **Hồ Văn Phụng.**

Ông **Nguyễn Thành Hữu.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Mỹ Yên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông **Sơn Cươl** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2023/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị Lệ Q**, sinh năm: 1983. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X 1, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Q**, sinh năm: 1991. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 118, ấp S, xã Q, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 14/6/2023).

Bị đơn: Bà **Lê Thị Cẩm V**, sinh năm: 1993. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B1, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **Lâm Thị Hằng N**, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 138, ấp 3, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Văn bản ủy quyền ngày 04/3/2024).

Người kháng cáo: *Bị đơn* bà **Lê Thị Cẩm V**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2023 của nguyên đơn bà Lâm Thị Lệ Q và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quang Trung trình bày:

Ngày 10/11/2022 bà Q có cho bà Lê Thị Cẩm V vay số tiền 130.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, hàng tháng trả gốc 4.000.000 đồng và đóng lãi, vì chỗ quen biết thỏa thuận bằng miệng không lập hợp đồng vay tiền. Khi nhận tiền bà V có viết biên nhận.

Trong thời gian vay nợ, bà V không thực hiện trả vốn và đóng lãi theo thỏa thuận trên. Bà Q nhiều lần nhắc nhở bà V chỉ hứa hẹn mà không thực hiện trả nợ. Do bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà V trả số tiền vốn 130.000.000 đồng. Không yêu cầu trả tiền lãi.

Quá trình làm việc tại tòa án, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lâm Thị Hằng N trình bày:

Khoảng tháng 10 năm 2021 bà V có vay của bà Q số tiền 130.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 15%/tháng, lãi suất đóng mỗi ngày là 600.000 đồng, việc vay không làm biên nhận chỉ thỏa thuận miệng. Tuy nhiên, sau khi vay bà V có chuyển khoản trả cho bà Q thông qua tài khoản ngân hàng và qua điện thoại do ông Trần Văn K chuyển khoản. Đến ngày 10/11/2022 bà Q yêu cầu làm biên nhận số tiền 130.000.000 đồng. Sau khi làm biên nhận bà V tiếp tục chuyển trả tiền cho bà Q. Số tiền bà V đã chuyển cho bà Q thông qua ngân hàng nông nghiệp là 164.190.000 đồng và qua ứng dụng Viettel Pay do ông Trần Văn K chuyển khoản là 251.750.000 đồng, tổng cộng số tiền đã chuyển khoản cho bà Q là 415.940.000 đồng. Thực chất số tiền 130.000.000 đồng là vay từ tháng 10 năm 2021, sau khi vay bà Q buộc trả lãi hàng ngày, biên nhận lập ngày 10/11/2022 do bà Q buộc ghi bổ sung sau này chứ ngày vay không phải ngày 10/11/2022. Nay do số tiền bà V đã trả vượt quá số nợ 130.000.000 đồng nên bị đơn yêu cầu cấn trừ toàn bộ, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 103/2023/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T đã tuyên như sau*:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Lệ Q về việc đòi bị đơn bà Lê Thị Cẩm V trả số tiền vay còn nợ. Buộc bị đơn bà Lê Thị Cẩm V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lâm Thị Lệ Q số tiền còn nợ 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Lệ Q đối với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 19 tháng 12 năm 2023 bị đơn bà Lê Thị Cẩm V kháng cáo và kháng cáo một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 110.000.000đồng, chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc cấn trừ số tiền bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lâm Thị Hằng Ni vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bị đơn,đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 110.000.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Do bị đơn không xuất trình tài liệu chứng cứ mới nên cấp sơ thẩm xử là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án của Tòa án nhân dân huyện T, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Cẩm V .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay vào ngày 10/11/2022 vốn gốc 130.000.000 đồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T giải quyết theo quan hệ pháp luật: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015 là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp B1, xã Thạnh Tân, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị Cẩm V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 110.000.000 đồng, chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc cấn trừ số tiền bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Về nội dung:

[5] Nguyên đơn bà Q khởi kiện yêu cầu bà V trả số tiền vay vào ngày 10/11/2022 vốn gốc 130.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bị đơn bà V trình bày không đồng ý trả nợ lý do số tiền đã trả cho bà Q vượt quá 130.000.000 đồng.

[6] Xét chứng cứ trong vụ án thấy rằng: Nguyên đơn bà Q cung cấp "Giấy mượn nợ" ngày 10/11/2022 thể hiện nội dung bà Lê Thị Cẩm V có vay của bà Lâm Thị Lệ Q với số tiền 130.000.000 đồng. Bị đơn bà V thừa nhận giấy mượn nợ do nguyên đơn cung cấp đúng chữ ký, chữ viết của mình. Quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2023 và biên bản hòa giải ngày 14/7/2023 bị đơn thừa nhận nợ và đồng ý trả dần. Tuy nhiên, tại tường trình ngày 25/7/2023 của bị đơn và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn phản bác cho rằng khoản vay trên thực chất được vay nhiều lần từ tháng 10 năm 2021, từ đó đến nay bị đơn đã trả vượt quá số tiền nợ nên yêu cầu cấn trừ, không đồng ý tiếp tục trả. Xét thấy, lời bị đơn trình bày là mâu thuẫn về thời gian vay nợ đã ghi trong "Giấy mượn nợ". Ngoài lời nói ra, bị đơn không cung

cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Căn cứ vào biên nhận ngày 10/11/2022 được đương sự thừa nhận thì giữa nguyên đơn và bị đơn đã chốt được số tiền còn nợ là 130.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử xác định tính đến ngày 10/11/2022 bà V còn nợ bà Q số tiền 130.000.000 đồng là sự thật.

[7] Về yêu cầu cấn trừ nợ, bị đơn cho rằng từ khi vay năm 2021 đến nay bị đơn đã trả cho nguyên đơn thông qua Ngân hàng Nông nghiệp là 164.190.000 đồng và qua ứng dụng Viettel Pay do ông Trần Văn K chuyển khoản là 251.750.000 đồng, tổng cộng số tiền đã chuyển khoản cho bà Q là 415.940.000 đồng, bị đơn yêu cầu cấn trừ toàn bộ vào số nợ.

Theo biên bản xác minh ngày 14/11/2023 người làm chứng ông Trần Văn K cung cấp thông tin, ông kinh doanh và sửa chữa điện thoại tại ấp B1, xã Thạnh Tân. Năm 2021 ông có chuyển khoản dùm cho bà V chuyển qua số tài khoản cho bà Q nhiều lần qua ứng dụng Viettel Pay, Viettel Money, bà V đưa tiền mặt nhờ ông chuyển qua tài khoản bà Q và ông thu phí, chuyển nhiều lần không nhớ số tiền, mỗi lần chuyển ông ghi nội dung "Lê Thị Cẩm V chuyển khoản". Ngoài ra, việc tranh chấp giữa bà Q và bà V ông không biết.

Tại Công văn số 6625/CNVTQĐ-TTKT tháng 08 năm 2023 của Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội cung cấp cho Tòa án truy vấn thông tin sao kê giao dịch ghi nhận có 131 giao dịch chuyển khoản của khách hàng đăng ký thuê bao 084975357595 có số tài khoản ViettelPay chuyển tới khách hàng Lâm Thị Lệ Q tổng số tiền 252.440.000 đồng.

Tại Công văn số 123/NHNoTT-KTNQ ngày 09/8/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T cung cấp cho Tòa án sao kê lịch sử giao dịch thể hiện: Từ ngày 24/11/2021 đến ngày 15/12/2022 tài khoản Lê Thị Cẩm V chuyển khoản qua tài khoản Lâm Thị Lệ Q 66 lần với tổng số tiền 164.190.000 đồng.

Có thể thấy, từ năm 2021 đến nay bị đơn bà V đã nhờ ông Trần Văn K chuyển khoản cho nguyên đơn bà Q qua ứng dụng ViettelPay với tổng số tiền 252.440.000 đồng và bà V đã trực tiếp chuyển khoản cho bà Q qua tài khoản Ngân hàng Nông nghiệp tổng số tiền 164.190.000 đồng.

[8] Xét thấy, bị đơn yêu cầu cấn trừ số tiền bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn từ năm 2021 đến nay vào số tiền còn nợ, nhưng các giao dịch chuyển khoản trước ngày viết biên nhận nợ là ngày 10/11/2022 bị đơn không chứng minh được là chuyển khoản vào mục đích gì, cho giao dịch nào hoặc trả

cho khoản vay nào, do bị đơn thừa nhận đã từng vay nợ của bà Q nhiều lần từ tháng 10 năm 2021 và bị đơn đã chuyển khoản trả lãi nhiều lần với số tiền là 415.940.000 đồng với lãi suất 15%/ tháng của số tiền vay 130.000.000 đồng, thì số tiền lãi từ tháng 10/2021 đến 10/11/2022 là 13 tháng chỉ có 253.500.000 đồng chứ không đến 415.940.000 đồng như bị đơn trình bày. Nên Hội đồng xét xử không đủ căn cứ để xác định bị đơn đã chuyển khoản trả cho khoản vay ngày 10/11/2022. Riêng đối với các giao dịch chuyển khoản kể từ ngày 10/11/2022 đến nay, nguyên đơn thừa nhận có nhận từ Ngân hàng Nông nghiệp 7.000.000 đồng và có nhận chuyển khoản từ tài khoản ông Trần Văn K, nhưng nguyên đơn cho rằng bị đơn trả lãi. Tuy nhiên, trong biên nhận ngày 10/11/2022 không thể hiện có thỏa thuận lãi xuất và khi khởi kiện nguyên đơn cũng không yêu cầu tính lãi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cấn trừ số tiền bị đơn đã chuyển khoản kể từ ngày viết biên nhận ngày 10/11/2022 đến nay vào số vốn cho bị đơn, cụ thể như sau: Số tiền chuyển khoản qua ứng dụng Viettel Pay từ ngày 21/11/2022 đến ngày 27/12/2022 tổng cộng 07 lần số tiền 13.000.000 đồng và số tiền chuyển khoản qua Ngân hàng Nông nghiệp từ ngày 14/11/2022 đến ngày 15/12/2022 chuyển khoản 06 lần với số tiền 7.000.000 đồng, tổng cộng 20.000.000 đồng được cấn trừ vào số tiền vốn gốc còn nợ 130.000.000 đồng. Như vậy, bị đơn bà V còn tiếp tục trả cho nguyên đơn bà Q số tiền vay còn nợ là 110.000.000 đồng.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Q số tiền còn nợ 110.000.000 đồng. Không chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền chênh lệch 20.000.000 đồng.

[10] Từ những phân tích cụ thể nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đề nghị của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Cẩm V.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2023/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T và được tuyên lại như sau:

Căn cứ

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Lệ Q về việc đòi bị đơn bà Lê Thị Cẩm V trả số tiền vay còn nợ. Buộc bị đơn bà Lê Thị Cẩm V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lâm Thị Lệ Q số tiền còn nợ 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Lệ Q đối với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Lê Thị Cẩm V có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng). Buộc nguyên đơn bà Lâm Thị Lệ Q nộp án phí số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), hoàn trả cho bà Q số tiền 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Lê Thị Cẩm V phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0000454 ngày 19/12/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 02/04/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành

án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Thanh Tùng